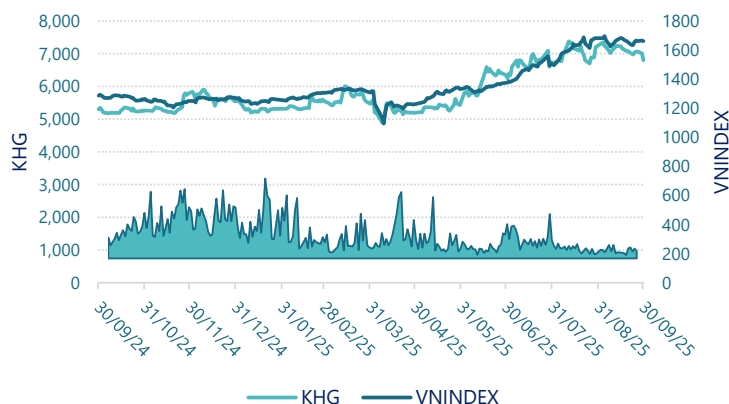


CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land (HSX: KHG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	6,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,380
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,900
SL cổ phiếu LH	449,435,205
KLGD BQ 20 phiên (CP)	9,338,395
% sở hữu nước ngoài	1.7%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,056
P/E	45.5
EPS	149

DT thuần

Q3/25

136

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.0| -7.1%

YoY: ▲ 67.0| 96.6%

LN sau thuế

Q3/25

18.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.30| -11.1%

YoY: ▲ 4.00| 28.3%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

42.0%

+/- YoY: ▼ 26.2%

DT thuần

9T 2025

382

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 186| 95.2%

LN sau thuế

9T 2025

54.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.4| 23.8%

ROE

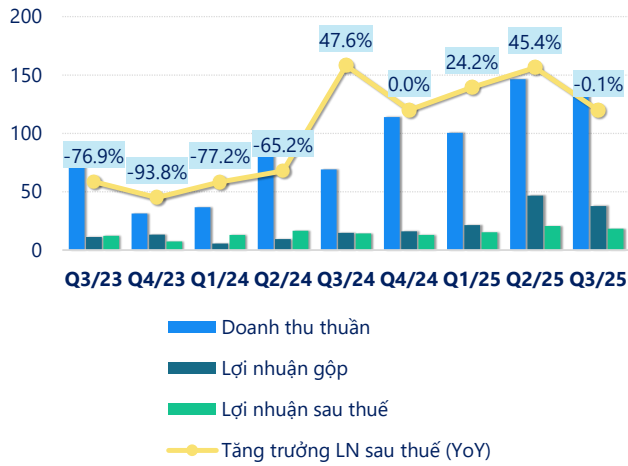
Q3/25

1.3%

+/- YoY: ▲ 0.3%

tỷ VNĐ

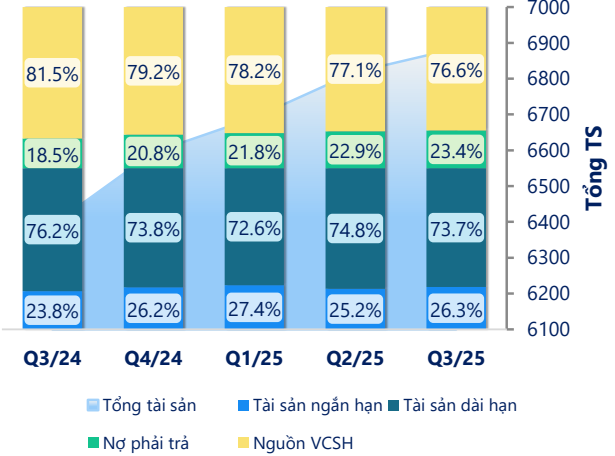
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

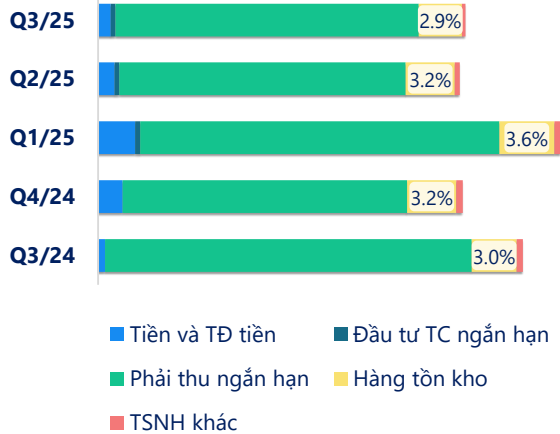
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



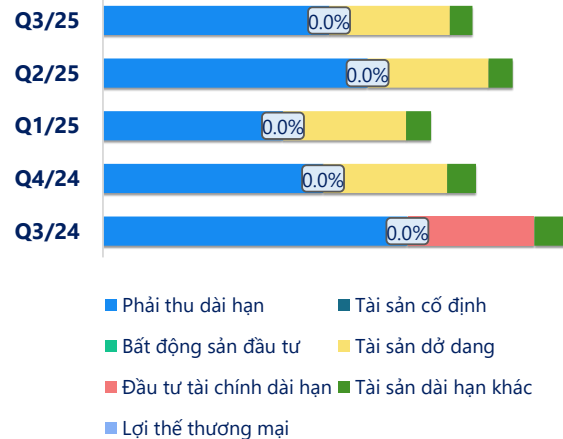
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

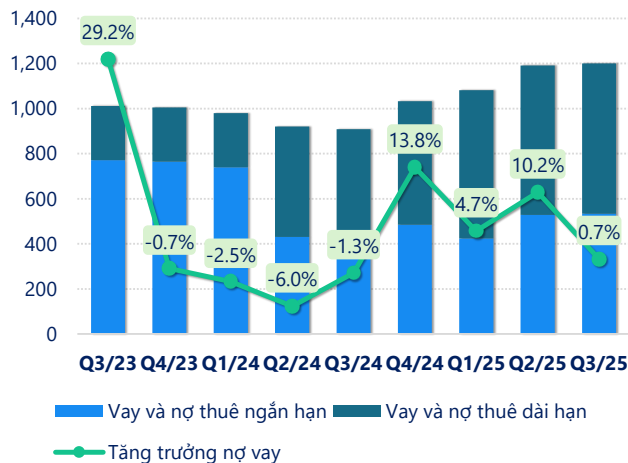
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

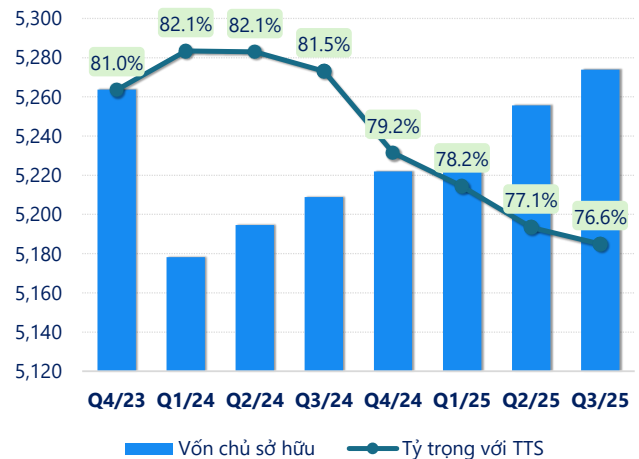
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

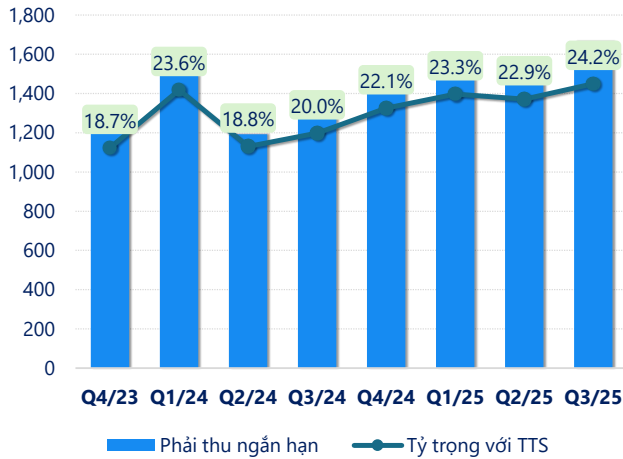
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



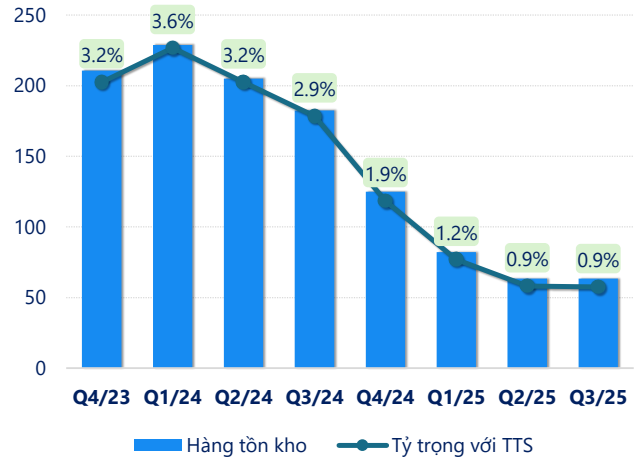
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


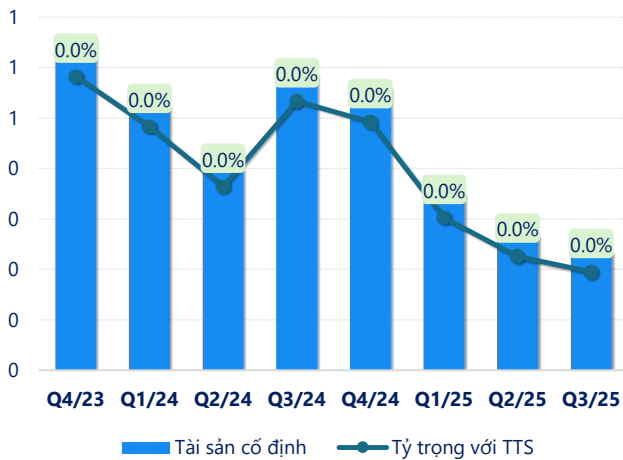
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


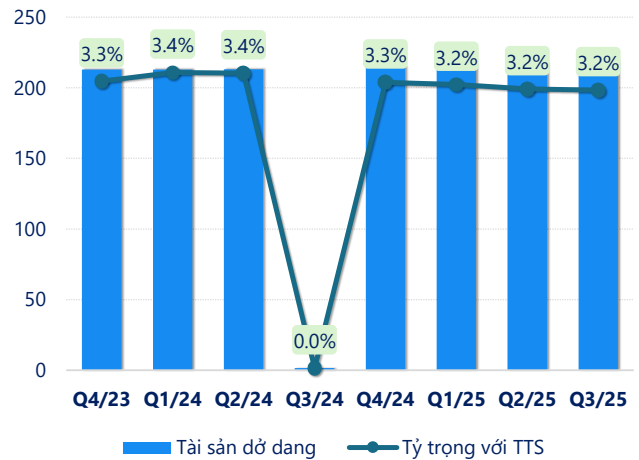
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

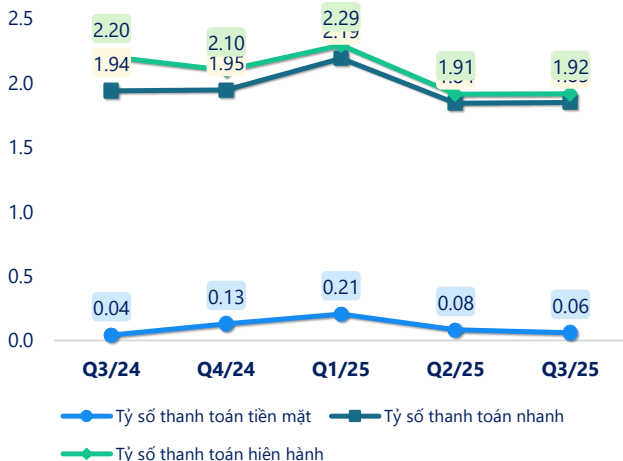
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

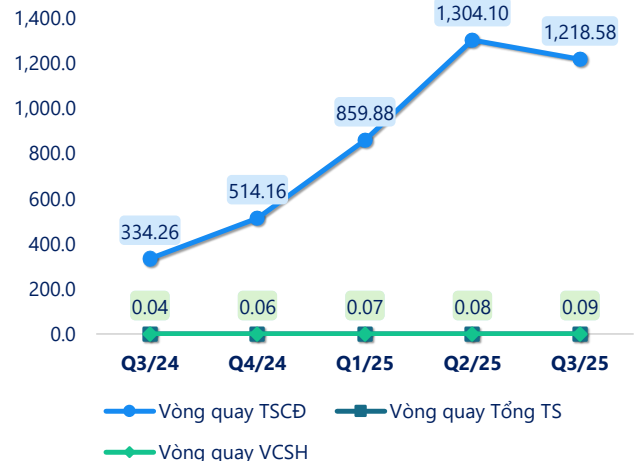
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	6,391	6,594	6,691	6,819	6,884
Tài sản ngắn hạn	1,522	1,726	1,831	1,719	1,809
Tiền và tương đương tiền	29.4	107	164	74.3	57.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	20.0	21.1	21.1	21.1	21.1
Phải thu ngắn hạn	1,276	1,457	1,558	1,559	1,664
Hàng tồn kho	182	125	82.2	63.3	63.3
Tài sản ngắn hạn khác	14.6	16.4	5.81	1.85	3.48
Tài sản dài hạn	4,869	4,868	4,860	5,099	5,076
Phải thu dài hạn	4,602	4,602	4,599	4,839	4,816
Tài sản cố định	0.58	0.56	0.35	0.26	0.23
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.52	215	217	217	219
Đầu tư tài chính dài hạn	212	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	52.7	50.3	44.4	43.0	41.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,182	1,372	1,456	1,563	1,610
Nợ ngắn hạn	691	823	798	899	944
Vay và nợ thuê ngắn hạn	418	485	424	528	534
Phải trả người bán ngắn hạn	15.8	22.1	19.6	7.86	9.21
Nợ dài hạn	491	549	657	664	666
Vay và nợ thuê dài hạn	490	548	657	664	666
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,209	5,222	5,235	5,256	5,274
Vốn chủ sở hữu	5,209	5,222	5,235	5,256	5,274
Vốn điều lệ	4,494	4,494	4,494	4,494	4,494
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)